

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-ST
Ngày 19-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quang Chuẩn,

Bà Hoàng Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: Bà Bé Thị Hoa, Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Văn Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2022/QĐXXST-HS ngày 6 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lương Văn Đ** (tên gọi khác: không), sinh ngày 27 tháng 01 năm 1998 tại huyện HQ, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm NN, xã LN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Lương Văn C, sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1972; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2021 đến ngày 16/12/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện nay đang được tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Trương Văn H** (tên gọi khác: không), sinh ngày 26 tháng 11 năm 2000 tại huyện HQ, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm CT, xã LN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12 phổ thông; dân tộc:

Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Trương Văn C (đã chết) và bà Hứa Thị S, sinh năm 1964; có vợ Triệu Thị Đ, sinh năm 2001 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2021 đến ngày 16/12/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện nay đang được tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

3. Họ và tên: **Trương Văn T** (tên gọi khác: không), sinh ngày 27 tháng 02 năm 1991 tại huyện HQ, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm CT, xã LN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 06/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Trương Văn K, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1960; có vợ Vương Thị S, sinh năm 1990 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2021 đến ngày 16/12/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện nay đang được tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

- *Người bào chữa cho cả 03 bị cáo:* NBC, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Triệu Thị Đ, sinh năm 2001, trú tại: Xóm CT, xã LN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 30 phút ngày 01/7/2021 Tổ công tác Đoàn Biên phòng LN phối hợp với Phòng trình sát Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tuần tra tại khu vực mốc 690 thuộc địa phận xóm Nặm Đ, xã Cải Viên, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng phát hiện 08 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam (gồm Trần Khải L sinh năm 2000; Trần U sinh năm 2003; Kim Đăng Q sinh năm 1999; Nghệ Ái sinh năm 1994; Lỗ Hữu M sinh năm 1996, cùng trú tại tỉnh Quý C, Trung Quốc; Hoàng B và Trì Đồng V sinh năm 2006, cùng trú tại tỉnh PK, Trung Quốc; Đàm Lâm N sinh năm 1994, trú tại tỉnh Tứ X, Trung Quốc). Tổ công tác đã lập biên bản vụ việc yêu cầu các công dân trên về trụ sở Đoàn Biên phòng LN để cùng phối hợp làm rõ.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng 15 giờ ngày 29/6/2021 Lương Văn Đ được một người Trung Quốc (không biết nhân thân, lai lịch) liên lạc qua mạng xã hội Wechat thuê Đ đến mốc 690 đón 08 người nhập cảnh trái phép và đưa đến thị trấn , huyện HQ với giá 1.800 CNY (nhân dân tệ) /01 người, Đ đồng

ý và gọi điện cho Trương Văn H và Trương Văn T, cùng trú tại xóm CT, xã LN, huyện HQ để rủ H, T cùng thực hiện và thống nhất sẽ chia đều tiền công.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 34A-319.14 cùng T đến xóm NN, xã LN gặp Đ để đi đón người, do trời mưa to không đón được nên cả 03 người đi về nhà và hẹn ngày hôm sau tiếp tục thực hiện.

Khoảng 22 giờ ngày 30/6/2021 H, T đến xóm NN, xã LN gặp Đ chờ đón người; Đến khoảng 24 giờ cùng ngày người Trung Quốc gọi Wechat báo cho Đ biết đang dẫn người đến biên giới; Theo sự phân công của Đ, H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 34A-319.14 cùng T đến xóm Năm Đ chờ, còn Đ đi bộ đến mốc 690 đón người.

Khoảng 03 giờ ngày 01/7/2021 Đ đón được 08 người Trung Quốc tại mốc 690 và dẫn đi bộ đến xóm Năm Đ gặp H, T sau đó cùng nhau lên xe ô tô, H điều khiển xe đi về hướng thị trấn XH, huyện HQ, khi đang di chuyển đến gần Trạm kiểm soát dịch Covid 19 tại xóm Năm Đ thì Đ cho 08 công dân xuống xe để cùng Đ đi bộ theo đường mòn nhằm tránh lực lượng chức năng phát hiện, còn H điều khiển ô tô cùng T đi vượt qua Trạm kiểm soát dịch Covid 19 khoảng 300m chờ, nhưng khi H điều khiển xe ô tô đi đến trạm kiểm soát thì bị dừng xe để kiểm tra, do sợ bị phát hiện nên H gọi điện thoại báo cho Đ biết và điều khiển xe cùng T đi về xã TT, còn Đ dẫn 08 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép đến một bãi ngô gần Trạm kiểm soát Covid 19 ẩn nấp, sau đó Đ đi bộ đến xã Vân An, huyện HQ và đi nhờ xe máy của Hoàng Văn Đ sinh năm 2005 trú tại xóm Lũng R, xã Nội T, huyện HQ đến xã TT để gặp H, T.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 01/7/2021 thì 08 công dân Trung Quốc bị lực lượng chức năng phát hiện đưa về trụ sở làm việc. Khi biết các công dân nhập cảnh trái phép bị phát hiện Đ, H, T đi về nhà, đến ngày 02 và ngày 03/7/2021 thì Đ, H, T bị lực lượng chức năng bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Bản cáo trạng số 138/CT-VKSCB-P1 ngày 07/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 11/11/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng có Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung: Trưng cầu giám định để xác định năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo Lương Văn Đ.

Ngày 24/11/2021 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng Quyết định trưng cầu giám định về năng lực trách nhiệm hình sự đối với Lương Văn Đ. Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 21/KLGD ngày 15/01/2022 của Viện pháp y tâm thần Trung ương- Bộ y tế kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 30/6/2021 và tại thời điểm giám định bị can Lương Văn Đ đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản cáo trạng số 20/CT-VKSCB-P1 ngày 01/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay: Các bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T thừa nhận cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội của các bị cáo, các bị cáo không có ý kiến gì thắc mắc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Thị Đ khai: Bà là vợ của Trương Văn H, chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI mang biển kiểm soát 34A-319.14 là xe của gia đình, tiền mua xe là do hai vợ chồng vay Ngân hàng chính sách 100.000.000đ và vay mượn. Gia đình mua chiếc xe này để phục vụ cho mục đích sinh hoạt, làm ăn mua bán, đi lại của gia đình. Ngày 01/7/2021, H mang xe đi chở người nhập cảnh trái phép bà không biết, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe này cho gia đình.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T về tội *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T phạm tội *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”*;

- Về hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm p, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn Đ, xử phạt từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với cả 02 bị cáo Trương Văn H, Trương Văn T, xử phạt: Trương Văn H từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù; Trương Văn T từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước 03 điện thoại di động tạm giữ của các bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T là phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội

Tịch thu phát mại: ½ giá trị xe ô tô MITSUBISHI màu xanh, mang biển kiểm soát 34A-319.14 của Trương Văn H là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội;

Trả lại ½ giá trị xe ô tô MITSUBISHI màu xanh, mang biển kiểm soát 34A-319.14 cho bà Triệu Thị Đ là vợ của bị cáo H vì đây là tài sản chung của gia đình, bà Đào không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm tội;

Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý Nông Thị Thu Trang trình bày lời bào chữa cho cả 03 bị cáo: Nhất trí với cáo trạng truy tố các bị cáo và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và cần xem xét các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định, chỉ vì hám lời nên đã thực hiện hành vi đưa người nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Đối với bị cáo Đ với vai trò là người cầm đầu, có thêm 01 tình tiết giảm nhẹ điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo là người khuyết tật nặng hưởng trợ cấp hàng tháng, đề nghị xử bị cáo mức án thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị. Đối với các bị cáo Trương Văn H, Trương Văn T có vai trò ngang nhau nên cho các bị cáo mức án bằng nhau và đề nghị xử phạt các bị cáo mức hình án 05 năm tù. Về vật chứng vụ án: Đối với chiếc ô tô cơ quan công an tạm giữ đối với bị cáo H, chiếc xe này mua bằng tiền của 02 vợ chồng, xe chưa làm thủ tục sang tên, vợ bị cáo không biết sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi, đề nghị xem xét trả lại cho vợ bị cáo để vợ bị cáo có phương án trả nợ khoản tiền mua xe.

Các bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị được trả lại toàn bộ chiếc xe ô tô cho gia đình.

Tại phần đối đáp, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên đề nghị về hình phạt và xử lý vật chứng như lời luận tội.

Trong lời nói sau cùng, cả ba bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt, bị cáo Trương Văn H đề nghị xem xét trả toàn bộ xe ô tô cho vợ bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Căn cứ vào lời khai thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên toà là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; căn cứ vào Biên bản vụ việc do Đoàn Biên phòng LN, Bộ đội Biên phòng Cao Bằng lập hồi 9 giờ 30 phút ngày 01/7/2021; lời khai của 8 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép; trích xuất dữ liệu điện tử và cùng với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 30/6/2021, Lương Văn Đ được một người Trung Quốc thuê đón 08 người nhập cảnh trái phép tại mốc 690 thuộc địa phận xóm Nặm Đ, xã Cải Viên, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng đưa đến thị trấn XH, huyện HQ với số tiền 14.400 CNY, Đ đồng ý và rủ Trương Văn H, Trương Văn T cùng thực hiện, ba người thống nhất chia đều tiền công. Khoảng 03 giờ ngày 01/7/2021 Đ đến mốc 690 đón được 08 người nhập cảnh trái phép, sau đó Đ cùng H, T dùng xe ô tô đưa đến thị trấn XH. Khi đi đến Trạm kiểm soát Covid - 19 thuộc địa phận xóm Nặm Đ, xã Cải Viên thì bị lực lượng chức năng phát hiện, nên Đ, H, T bỏ lại 08 công dân Trung Quốc và đi về nhà. Đến 09 giờ 30 phút ngày 01/7/2021 thì 08 công dân Trung Quốc bị phát hiện đưa về trụ sở Đoàn Biên phòng NN để làm việc. Đến ngày 02, 03/7/2021 thì Đ, H, T bị lực lượng chức năng bắt giữ.

Xét thấy hành vi của Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T tổ chức đón, đưa 08 công dân Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vì động cơ vụ lợi. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Trương Văn H, Trương Văn T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; đối với bị cáo Lương Văn Đ, căn cứ vào Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 21/KLGD ngày 15/01/2022 của Viện pháp y tâm thần Trung ương- Bộ y tế thì bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T đã có đủ yếu tố cấu

thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” thuộc trường hợp từ 05 đến 10 người quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ pháp luật.

Trong vụ án này, 03 bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cả 03 bị cáo đều là người thực hành, cụ thể: Bị cáo Lương Văn Đ là người giữ vai trò chính trực tiếp trao đổi với người Trung Quốc thống nhất về thời gian, địa điểm, trực tiếp lên mốc biên giới để đón người và là người trao đổi, liên lạc rủ Trương Văn H, Trương Văn T để cùng thực hiện hành vi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Các bị cáo Trương Văn H, Trương Văn T là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đ, bị cáo H sử dụng xe ô tô trực tiếp điều khiển xe để cùng bị cáo T thực hiện hành vi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép.

Các bị cáo thực hiện hành vi tổ chức đưa người khác nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam với mục đích là để hưởng lợi về tiền công, tuy nhiên khi đang thực hiện hành vi phạm tội, chưa được hưởng lợi thì bị lực lượng chức năng phát hiện, ngăn chặn.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do điều kiện kinh tế khó khăn, tại địa phương không có việc làm ổn định; xuất phát từ nhu cầu nhập cảnh của các đối tượng lao động, làm thuê ở Trung Quốc muốn nhập cảnh vào Việt Nam; nhận thức pháp luật của các bị cáo biết hành vi của bản thân vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để được hưởng lợi về kinh tế.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương; tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp, đặc biệt xảy ra trong thời gian cả nước đang thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và chỉ đạo của các ngành, các cấp về ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi xuất, nhập cảnh qua biên giới.

Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Cả ba bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T đều là người có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo Lương Văn Đ là người khuyết tật nặng được hưởng trợ cấp hàng tháng, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Xét thấy mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

Xét ý kiến của người bào chữa đối với bị cáo Trương Văn T là có căn cứ chấp nhận, đối với các bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước: 03 chiếc điện thoại của các bị cáo đã dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội; Tịch thu ½ giá trị xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI màu xanh. Xe đeo biển kiểm soát 34A-319.14 của bị cáo Trương Văn H do bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và các giấy tờ kèm theo; trả lại cho bà Triệu Thị Đ ½ giá trị xe ô tô trên do chị không biết Trương Văn H dùng chiếc xe này thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Về án phí: Các bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T phạm tội *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”*.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm p, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn Đ, xử phạt **Lương Văn Đ:** 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày

bị cáo đi trại chấp hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2021 đến ngày 16/12/2021.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với 02 bị cáo Trương Văn H, Trương Văn T, xử phạt:

- **Trương Văn H:** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi trại chấp hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2021 đến ngày 16/12/2021.

- **Trương Văn T:** 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi trại chấp hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2021 đến ngày 16/12/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước:*

+ Đối với bị cáo Lương Văn Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen đã qua sử dụng, màn hình cảm ứng. Máy bật không lên nguồn, không kiểm tra chi tiết bên trong.

+ Đối với bị cáo Trương Văn H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALMI màu đen đã qua sử dụng, màn hình cảm ứng. Máy bật không lên nguồn, không kiểm tra chi tiết bên trong và ½ giá trị của 01 (một) ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI màu xanh. Xe đeo biển kiểm soát 34A-319.14, xe đã qua sử dụng, phần sơn xe nhiều chỗ bị xước, phần thân xe nhiều chỗ bị móp, méo. Số máy: 64G63RZ00137. Số khung: RLA00VB2W31002389. Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 28/7/2021. Kèm theo xe: 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô số: 060941, 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001216575, 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 4695353.

+ Đối với bị cáo Trương Văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen đã qua sử dụng, màn hình cảm ứng. Máy bật không lên nguồn, không kiểm tra chi tiết bên trong.

- *Trả lại cho bà Triệu Thị Đ, sinh năm 2001, trú tại: Xóm CT, xã LN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng: ½ giá trị 01 (một) ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI màu xanh. Xe đeo biển kiểm soát 34A-319.14.*

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 14 ngày 13 tháng 10 năm 2021.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Lương Văn Đ, Trương Văn H, Trương Văn T có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Triệu Thị Đ có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người CQL&NVLQ;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa

